

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 20

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 ngày 14 tháng 01 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thu Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2021
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2020
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2020
Ông Preben Hjortlund	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2021
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2021
Ông Bùi Quốc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Phi Hạnh	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Quỳnh Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	
Ông Trần Nam Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020
Ông Đào Văn Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020
Ông Lê Đức Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020
Bà Trần Thị Phan Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Việt Sơn, Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 29 tháng 1 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 1 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		803.919.307.481	22.593.022.107
110	I. Tiền	4	1.959.880.913	2.591.473.265
111	1. Tiền		1.959.880.913	2.591.473.265
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		783.100.000.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	738.600.000.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	44.500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.317.026.909	19.793.634.755
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	3.413.407.125	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	22.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.903.619.784	19.771.634.755
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		542.399.659	207.914.087
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		539.399.659	207.914.087
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		3.000.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		319.960.922.607	111.917.524.555
250	I. Đầu tư tài chính dài hạn	8	319.796.445.805	111.896.445.805
251	1. Đầu tư vào công ty con	8.1	223.871.445.805	15.971.445.805
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.2	95.925.000.000	95.925.000.000
260	II. Tài sản dài hạn khác		164.476.802	21.078.750
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		164.476.802	21.078.750
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.123.880.230.088	134.510.546.662

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	3.103.097.386	-	3.103.097.386	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.103.097.386	-	3.103.097.386	-
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		2.923.703.727	-	2.923.703.727	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		179.393.659	-	179.393.659	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	696.711.431	560.700.435	49.467.172.071	20.287.104.204
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	31.125.610	1.727.700.610	6.723.210.620	4.365.981.006
30	10. Lợi nhuận/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		844.979.480	(1.167.000.175)	42.923.355.110	15.921.123.198
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	12. Chi phí khác		-	-	-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-	-	-
50	14. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế		844.979.480	(1.167.000.175)	42.923.355.110	15.921.123.198
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		844.979.480	(1.157.000.175)	42.923.355.110	15.921.123.198


Nguyễn Hương Giang
Người lập biểu


Nguyễn Thị Phương Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 1 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		42.923.355.110	15.921.123.198
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	11	(49.467.172.071)	(20.287.104.204)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.543.816.961)	(4.365.981.006)
09	(Tăng)/ Giảm các khoản phải thu		(3.708.657.819)	4.870.593.998
11	Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả		765.238.516.316	(366.355.356)
12	(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước		(143.398.052)	(21.078.750)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(765.186.966.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh		(10.344.322.516)	117.178.886
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(44.500.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	4.480.000.000
25	Tiền chi đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác		-	(58.800.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	67.450.000.000
27	Lãi tiền gửi và cổ tức được chia		54.317.952.164	3.859.329.445
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.817.952.164	16.989.329.445
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(105.222.000)	(15.690.391.559)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(105.222.000)	(15.690.391.559)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(631.592.352)	1.416.116.772
60	Tiền đầu kỳ		2.591.473.265	1.175.356.493
70	Tiền cuối kỳ	4	1.959.880.913	2.591.473.265

Nguyễn Hương Giang
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngày 29 tháng 1 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 ngày 14 tháng 01 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 34 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 14 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 7 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property Management	99%	99%	Tầng 25, tòa tháp A, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản
2	Công Ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading	51%	51%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	94,75%	94,75%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	99,5%	99,5%	Số 60 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
5	Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ V-ONE	100%	100%	Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
6	Công ty Cổ phần TNTech (*)	99%	99%	Tầng 21, tòa nhà TNR, số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ và giải pháp công nghệ thông tin
7	Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent (*)	99%	99%	Tầng 26, tòa tháp A, số 54 A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ tuyển dụng, cho thuê nhân sự, tư vấn chiến lược nhân sự, đào tạo, xây dựng chính sách lương và chế độ phúc lợi

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phần tại Công ty Cổ phần TNTech và Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent, theo tỉ lệ hoán đổi lần lượt là 1:0,9 và 1:1,8 để nắm giữ tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại các công ty này là 99%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 7. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vào ngày 29 tháng 1 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) ; và
- ▶ Quyết định số 100/2006/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.9 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc đầu tư tài chính, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tiền mặt	337.500.000	337.500.000
Tiền gửi ngân hàng	1.622.380.913	2.253.973.265
TỔNG CỘNG	<u>1.959.880.913</u>	<u>2.591.473.265</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Cổ phiếu						
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	39.900.000	738.600.000.000	738.600.000.000	-	-	-

5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Kỳ hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Kỳ hạn
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	44.500.000.000	44.500.000.000		-	-	
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông	44.500.000.000	44.500.000.000	6 tháng	-	-	

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 16)	3.413.407.125	-
TỔNG CỘNG	3.413.407.125	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu lãi	1.168.751.597	375.066.667
Phải thu ngắn hạn khác	29.369.580	45.572.900
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 16)	13.705.498.607	19.350.995.188
TỔNG CỘNG	14.903.619.784	19.771.634.755

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	223.871.445.805	-	223.871.445.805	15.971.445.805	-	15.971.445.805
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	95.925.000.000	-	95.925.000.000	95.925.000.000	-	95.925.000.000
TỔNG CỘNG	319.796.445.805	-	319.796.445.805	111.896.445.805	-	111.896.445.805

8.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)	Giá gốc		Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property Management	4.993.945.805	-	4.993.945.805	4.993.945.805	-	4.993.945.805
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	4.737.500.000	-	4.737.500.000	4.737.500.000	-	4.737.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	1.690.000.000	-	1.690.000.000	1.690.000.000	-	1.690.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần TNTech	178.200.000.000	-	178.200.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent	29.700.000.000	-	29.700.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	223.871.445.805	-	223.871.445.805	15.971.445.805	-	15.971.445.805

(*) Phần vốn đầu tư/cổ phiếu nắm giữ tại các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và Công ty đang trong quá trình thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại các công ty này.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

8.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con như sau:

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property Management	99%	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	94,75%	94,75%	94,75%	94,75%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	99,5%	99,5%	99,5%	99,5%
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-ONE	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần TNTech	99%	99%	n/a	n/a
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent	99%	99%	n/a	n/a

Thông tin chi tiết về đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

8.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019			Đơn vị tính: VND
	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh (i)	4.440.000	44.400.000.000	-	4.440.000	44.400.000.000	-	44.400.000.000
Công ty Cổ phần AAC Việt Nam (ii)	371.250	37.125.000.000	-	371.250	37.125.000.000	-	37.125.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức (iii)		14.400.000.000	-		14.400.000.000	-	14.400.000.000
TỔNG CỘNG	4.811.250	95.925.000.000	-	4.811.250	95.925.000.000	-	95.925.000.000

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2901953072 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2018 và có trụ sở chính tại Tòa nhà Bưu điện tỉnh Nghệ An, số 2, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

(ii) Công ty Cổ phần AAC Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102526578 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 11 năm 2017 và có trụ sở chính tại số 4, Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty này đang trong quá trình triển khai thực hiện Dự án Việt Yên Central Park – Thị Trấn Bích Động với tổng vốn đầu tư dự kiến là 232 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

7.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (iii) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2500222438 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 8 năm 2003 và có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty này như sau:

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Thành Vinh	8,00%	8,00%	8,00%	8,00%
Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	8,00%	8,00%	8,00%	8,00%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức	1,85%	1,85%	9,00%	9,00%

Do chưa có đủ thông tin cần thiết, Công ty chưa xác định được phần giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây dựng Hưng Thịnh	460.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TNCONS Việt Nam	278.600.000.000	-
Phải thu khác	1.354.443.039	-
TỔNG CỘNG	739.954.443.039	-

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Thuế thu nhập cá nhân	302.467.298	1.004.121.201	(799.286.727)	507.301.772
Các loại thuế và phí khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	302.467.298	1.007.121.201	(802.286.727)	507.301.772

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Dịch vụ chuyên nghiệp	390.000.000	220.000.000
Các khoản phải trả khác	113.494.673	18.998.000
TỔNG CỘNG	503.494.673	238.998.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần (***)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	133.000.000.000	-	865.986.603	133.865.986.603
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	17.088.123.373	17.088.123.373
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(15.960.000.000)	(15.960.000.000)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>133.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.994.109.976</u>	<u>134.994.109.976</u>
Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	133.000.000.000	-	827.109.801	133.827.109.801
- Chi trả cổ tức (*)	42.559.840.000	-	(42.559.840.000)	-
- Tăng vốn trong kỳ (**)	38.500.000.000	168.900.000.000	-	207.400.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	42.923.355.110	42.923.355.110
- Giảm khác	-	(1.420.909.091)	-	(1.420.909.091)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>214.059.840.000</u>	<u>167.479.090.909</u>	<u>1.190.624.911</u>	<u>382.729.555.820</u>

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, số 07/2020/NQ-ĐHĐCĐ-TNSHOLDINGS ngày 28 tháng 04 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 07 năm 2020. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỉ lệ chi trả là 32% trên vốn điều lệ. Tổng số cổ phiếu phát hành thêm để chi trả cổ tức là 4.255.984 cổ phiếu. Tổng số vốn góp tăng thêm là 42.559.840.000 VND.

(**) Theo Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 09 năm 2020, Công ty đã phát hành 3.850.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000/cổ phiếu) theo hình thức phát hành riêng lẻ để hoán đổi cho cổ đông sở hữu cổ phần của TNTalent và TNTech. Tỉ lệ hoán đổi với cổ phần TNTalent là 1:1,8 tức 1,8 cổ phiếu TNTalent sẽ được hoán đổi lấy 01 cổ phiếu của Công ty. Tỉ lệ hoán đổi với cổ phần TNTech là 1:0,9 tức 0,9 cổ phần TNTech sẽ được hoán đổi lấy 01 cổ phiếu của Công ty.

(***) Thặng dư vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là chênh lệch giữa giá trị theo mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các chi phí phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

11.2 Vốn cổ phần đã góp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hôm	140.448.000.000	65,61%	106.400.000.000	80%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	25.555.550.000	11,94%	-	-
Các cổ đông khác	48.056.290.000	22,45%	26.600.000.000	20%
TỔNG CỘNG	214.059.840.000	100%	133.000.000.000	100%

11.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	133.000.000.000	133.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	42.559.840.000	-
Tăng vốn trong kỳ do phát hành thêm	38.500.000.000	-
Số cuối kỳ	214.059.840.000	133.000.000.000

11.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Cổ phiếu đăng ký phát hành	21.405.984	13.300.000
Cổ phiếu phổ thông	21.405.984	13.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.405.984	13.300.000
Cổ phiếu phổ thông	21.405.984	13.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	21.405.984	13.300.000
Cổ phiếu phổ thông	21.405.984	13.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

12. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.103.097.386	-	3.103.097.386	-
TỔNG CỘNG	3.103.097.386	-	3.103.097.386	-
<i>Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 16)</i>	<i>3.103.097.386</i>	<i>-</i>	<i>3.103.097.386</i>	<i>-</i>

13. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Cổ tức được chia	-	516.730.323	48.654.503.419	20.064.813.472
Lãi cho vay	-	40.602.778	-	218.369.445
Lãi tiền gửi	696.711.431	3.367.334	812.668.652	3.921.287
TỔNG CỘNG	696.711.431	560.700.435	49.467.172.071	20.287.104.204

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí nhân công	377.499.722	1.339.500.120	5.093.564.427	3.420.544.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(500.000.000)	254.198.081	442.542.262	612.517.317
Thuế, phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000
Chi phí khác	153.625.888	134.002.409	1.184.103.931	329.918.941
TỔNG CỘNG	31.125.610	1.727.700.610	6.723.210.620	4.365.981.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	844.979.480	(1.167.000.175)	42.923.355.110	15.921.123.198
<i>Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty và các công ty con</i>	118.297.127	-	6.009.269.715	3.184.224.640
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(118.297.127)	-	(6.009.269.715)	(3.184.224.640)
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-

15.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của giai đoạn hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

15.3 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 12.006.750.834 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2020</i>
2015	2020	869.759.293	-	-	869.759.293
2018	2023	1.262.152.956	-	-	1.262.152.956
2019	2024	4.143.690.275	-	-	4.143.690.275
2020	2025	5.731.148.310	-	-	5.731.148.310
TỔNG CỘNG		12.006.750.834	-	-	12.006.750.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

15.3 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các năm tài chính chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property Management	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.222.919.224	-
		Thu nhập từ cổ tức được hưởng	44.550.000.000	17.820.000.000
		Cổ tức thực nhận	49.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	703.220.616	-
		Cổ tức được chia	4.104.503.419	1.728.083.149
		Trả cổ tức	4.800.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	246.048.178	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V- One	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	241.219.107	-
Công ty Cổ phần Quản trị Nguồn Nhân lực TNTalent	Công ty con	Góp vốn thông qua hoán đổi cổ phiếu	29.700.000.000	-
Công ty Cổ phần TNTech	Công ty con	Góp vốn thông qua hoán đổi cổ phiếu	178.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	Cổ đông lớn	Nhận góp vốn thông qua hoán đổi cổ phiếu	25.555.550.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính ba tháng và mười hai tháng kết thúc cùng ngày

16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải thu của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property Management	Công ty con	Phí cung cấp dịch vụ	2.222.919.224	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Phí cung cấp dịch vụ	703.220.616	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	Công ty con	Phí cung cấp dịch vụ	246.048.178	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V- One	Công ty con	Phí cung cấp dịch vụ	241.219.107	-
TỔNG CỘNG			3.413.407.125	-
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property Management	Công ty con	Cổ tức phải thu	12.042.240.000	16.992.240.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Cổ tức phải thu	1.663.258.607	2.358.755.188
TỔNG CỘNG			13.705.498.607	19.350.995.188

17. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Hương Giang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 1 năm 2021